TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 52, 20 - 24/12/2021

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

"Đợi chờ chất xúc tác"

Thị trường chứng khoán toàn cầu đã phục hồi sau đợt bán tháo ở tuần trước đó. Sự lo lắng liên quan đến biến thể Omicron được xoa dịu đã cũng cố cho thị trường Mỹ phục hồi mạnh mẽ. Chỉ số S&P 500 kết thúc tuần với mức tăng 2,3%. Cổ phiêu châu Âu cũng ghi nhận sự thăng hoa trước kì nghỉ lễ, STOXX Europe 600 tăng 1,8%. Sự lây lan toàn cầu của biến thể Omicron làm dấy lên lo ngại về lạm phát đình trệ và suy thoái kinh tế, khiến cổ phiếu Nhật Bản sụt giảm vào thứ Hai. Tuy nhiên, trong bối cảnh khối lượng giao dịch yếu,điểm số bị mất đã được lấy lại bằng mức tăng 0,8% trong tuần của chỉ số Nikkei 225. Thị trường Trung Quốc ít thay đổi sau khi PBOC cắt giảm lãi suất, Shanghai Composite Index giảm nhẹ 0,4 so với tuần trước đó.

Diễn biến đi ngang vẫn là xu hướng chính của thị trường chứng khoán Việt Nam. Sự thận trọng vẫn tồn tại trong suy nghĩ của nhiều nhà đầu tư khi VN Index đang giao dịch ở mức cao nhất mọi thời đại và không thực sự có nhiều chất xúc tác mạnh khi năm sắp kết thúc. Cụ thể, 3 phiên đầu tiên VN Index giao dịch ở mức đi ngang. Thị trường chỉ rơi vào trạng thái đầy biến động trong hai ngày cuối tuần khi VN Index mất hơn 20 điểm vào ngày thứ Năm và nhanh chóng phục hồi toàn bộ số điểm đã mất vào ngày hôm sau. Chốt tuần, VN Index giảm -2.76 điểm, tương đương -0.2% và dừng ở mức 1,477.03. Trong khi đó, chỉ số HNX Index và UPCOM chịu ảnh hưởng nặng nề hơn với mức giảm lần lượt là -2.3% và -1.3%.

Theo góc nhìn kỹ thuật, đường MA 50 là mức hỗ trợ vững chắc cho VN Index sau khi phá vỡ đường giữa của Bollinger Band. Rất may, chỉ số đóng cửa tuần trên đường này cho thấy tình hình khả quan có thể được kỳ vọng. Chỉ báo RSI đang kiểm tra lại đường xu hướng giảm ngắn hạn, đường MACD đang quay trở lại gần đường tín hiệu. Nếu các chỉ báo này phá vỡ điểm quan trọng, VN Index sẽ chinh phục đỉnh cũ tại vùng 1,500 điểm. Trong tuần tới, thịt trường sẽ không có quá nhiều thông tin hỗ trợ. Chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ tiếp tục tích lũy trong tuần tới và có thể có những bước chuyển mình mạnh mẽ trong năm mới do gói kích cầu sẽ được thảo luận và thông qua trong kỳ họp bất thường của Quốc hội.

Dữ liệu thị trường tuần		%thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
VN-Index	1,477	-0.2	0.9	9.2	7.3		17.6	2.8	248
Upcom Index	110	-1.3	-2.5	12.0	22.4		51.5	3.6	61
HNX Index	446	-2.3	-0.7	23.4	41.1		28.8	2.9	19
VN30 Index	1,507	-0.5	-1.7	3.3	1.2		14.5	2.9	169
S&P 500 Index	4,726	2.3	0.7	6.2	11.4		26.0	4.9	41,753
STOXX Europe 600 Index	482	1.8	0.7	3.2	6.5		20.5	2.1	15,259
Hang Seng	23,224	0.1	-5.8	-5.3	-19.4		9.3	1.0	3,126
Nikkei 225	28,783	0.8	-3.3	-2.9	-0.3		16.4	1.9	4,118
SHCOMP Index	3,618	-0.4	0.8	-0.7	1.5		15.4	1.7	7,527
STI Index	3,108	-0.1	-3.7	1.0	-0.3		19.6	1.1	372
KOSPI Index	3,012	-0.2	0.5	-3.7	-8.1		14.0	1.1	1,800

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Thanh khoản thị trường tiếp tục tăng cao hơn trong tuần qua. Đặc biệt, mức cao kỷ lục được ghi nhận vào thứ Năm khi các nhà đầu tư cố gắng bắt đáy khi thường giảm và điều đó đóng góp đáng kể cho vào thanh khoản thị trườn hàng tuần. Tính ra, giá trị khớp lệnh bình quân mỗi phiên trên HSX tuần qua đạt 29.229 tỷ đồng, tăng 13,6% so với tuần trước.

Xét theo quy mô vốn hóa, nhóm Mid Cap và Small Cap tiếp tục được nhà đầu tư quan tâm nhiều nhất. Mặc dù có thị trường bán tháo nhưng nhóm Mid Cap và Small Cap vẫn hoạt động tốt, với mức tăng khiêm tốn lần lượt là 0,4% và 0,5%. Ngược lại, nhóm Large Cap giảm 0,3% và có vẻ đứng giá trong suốt 6 tháng qua do gánh nặng từ các cổ phiếu ngân hàng vốn hóa lớn.

Giữa các nhóm ngành, nhóm hàng tiêu dùng, nhờ sự bùng nổ của MSN (+ 8,57%), có một tuần thắng lợi với mức lợi nhuận 2,6%. Tiếp theo là dịch vụ tiêu dùng với mức tăng 1%. Nhóm cổ phiếu ngân hàng đứng thứ 3 nhờ sự đảo chiều trong những phiên giao dịch vừa qua giúp nhóm lấy lại 0,9%. Trong đó, VCB (+ 5,07%) đóng góp nhiều nhất nhờ đà tăng sau sự kiện chia cổ tức bằng cổ phiếu.

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1T	1Thg	TĐN	% thay đổi GTGD 1T	% thay đổi GTGD 1Thg	% thay đổi GTGD TĐN	%tỉ trọng GTGD HT	%tỉ trọng GTGD TĐ	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Large Cap	-0.3	-1.3	31.5	17.1	7.3	17.0	66.9	-0.6	23.3	3.2	5,022,130
Mid Cap	0.4	4.9	57.9	20.4	27.4	26.7	30.6	0.6	21.9	2.0	653,824
Small Cap	0.5	-0.8	46.0	18.3	18.0	7.6	2.5	0.0	26.7	1.2	70,675

Theo ngành

Tên ngành	1T	1Thg	TĐN	% thay đổi GTGD 1T	% thay đổi GTGD 1Thg	% thay đổi GTGD TĐN	%tỉ trọng GTGD HT	%tỉ trọng GTGD TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Hàng Tiêu dùng	2.6	1.0	11.9	44.5	47.5	58.7	12.8	2.4	25.7	3.5	705,624
Dịch vụ Tiêu dùng	1.0	-3.1	41.5	0.4	2.6	-8.2	2.2	-0.4	n.a	5.0	263,731
Ngân hàng	0.9	-6.3	27.3	5.1	-28.4	-18.9	12.0	-1.5	16.4	2.6	1,726,022
Nguyên vật liệu	0.0	-0.4	57.7	14.6	10.8	-13.1	12.2	-0.4	19.7	2.8	538,819
Công nghệ Thông tin	-0.3	-1.7	92.4	46.6	10.0	-4.0	1.0	0.2	26.6	3.8	105,729
Công nghiệp	-1.1	4.2	55.3	26.4	42.3	65.5	17.1	1.1	22.0	2.0	306,526
Dầu khí	-1.5	-5.5	8.4	10.4	-7.0	-32.6	0.8	-0.1	80.4	3.3	79,512
Tiện ích Cộng đồng	-1.8	-1.6	15.2	28.0	62.9	58.0	3.4	0.3	19.8	2.4	292,157
Tài chính	-2.0	5.1	46.4	14.0	13.2	29.9	37.9	-1.3	28.8	3.3	1,686,025
Dược và Y tế	-4.1	3.1	19.7	-27.8	-19.3	-7.1	0.5	-0.3	21.8	2.6	39,407

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-HT: Hiện tại
-TĐ: Thay đổi

WEEKLY SNAPSHOT
Sự dịch chuyển của dòng vốn

Về sự dịch chuyển của dòng vốn trên thị trường châu Á, Hàn Quốc và Đài Loan là hai quốc gia có dòng vốn chảy vào lớn lần lượt là 487 triệu USD và 673 triệu USD. Trong khi Nhật Bản tiếp tục chứng kiến một khoản sụt giảm lớn khác là 7,404 triệu USD. Tương tự, dòng vốn vẫn chảy ra khỏi Việt Nam nhưng với số lượng nhỏ là 16 triệu USD.

Thông qua kênh ETF, dòng tiền được bơm vào từ các quỹ ETF trong nước đã làm đối trọng với dòng vốn rút từ các quỹ ETF nước ngoài làm giảm dòng vốn ròng chảy ra ngoài xuống 0,63 triệu USD. Riêng Xtrackers ETFs đã bán ra lượng cổ phiếu trị giá 3,5 triệu USD. Trong khi DCVFMVN30 ETF và SSIAM VNFIN LEAD ETFs giải ngân lần lượt 2,11 triệu USD và 1,09 triệu USD.

Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	**3,422**	**-0.63**	**-49.62**	**-77.3**	**51.5**
Nước ngoài	**2,165**	**-3.83**	**-44.93**	**-98.8**	**69.5**
VanEck Vectors Vietnam ETF	573	0.00	-10.48	-13.4	28.1
Fubon FTSE Vietnam ETF	471	-0.32	-10.03	-46.7	202.4
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	504	0.00	0.00	3.6	7.3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	385	-3.50	-5.28	-26.1	-83.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	180	0.00	-9.88	-9.9	-88.9
Premia MSCI Vietnam ETF	30	0.00	-1.90	1.0	0.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	9	0.00	-7.35	-7.3	-8.5
Asian Growth CUBS ETF	14	0.00	0.00	0.0	12.7
Trong nước	**1,257**	**3.20**	**-4.69**	**21.5**	**-18.0**
DCVFMVN Diamond ETF	615	0.00	0.00	0.0	-48.3
DCVFMVN30 ETF Fund	457	2.11	-10.77	3.0	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	137	1.09	5.99	21.3	0.1
MAFN VN30 ETF	27	0.00	0.00	-2.8	23.4
SSIAM VNX50 ETF	13	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.00	0.08	-0.01	6.8

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	10,946	-34,044	30,656
Ấn độ	-505	-1,708	-4,735	3,795
Indonesia	-15	51	763	2,639
Nhật Bản	-7,404	-13,381	6,278	28,597
Maylaysia	-8	-273	146	-770
Philippines	-10	1,711	1,724	-18
Hàn Quốc	487	2,781	2,287	-22,868
Sri Lanka	0	-3	-30	-257
Đài Loan	673	925	-1,022	-17,858
Thái Lan	95	189	339	-2,138
Việt Nam	-16	-182	-832	-2,777

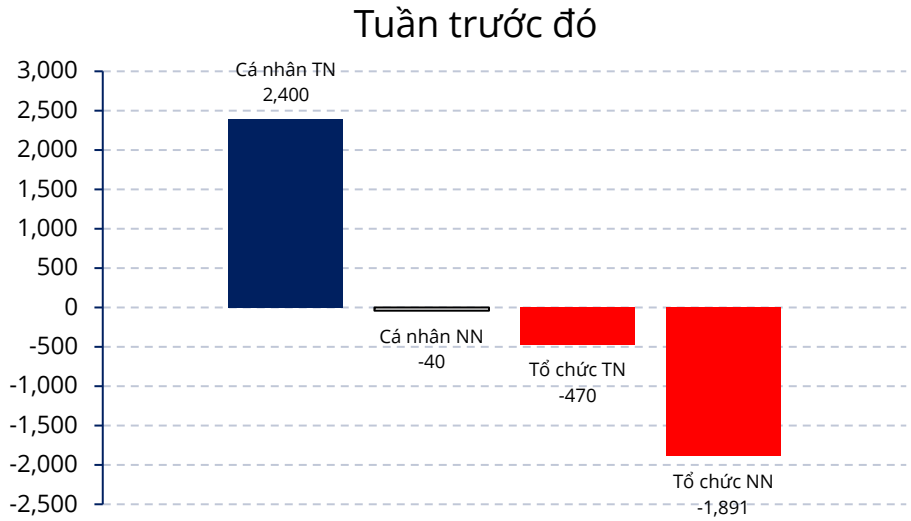
Chú thích:
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

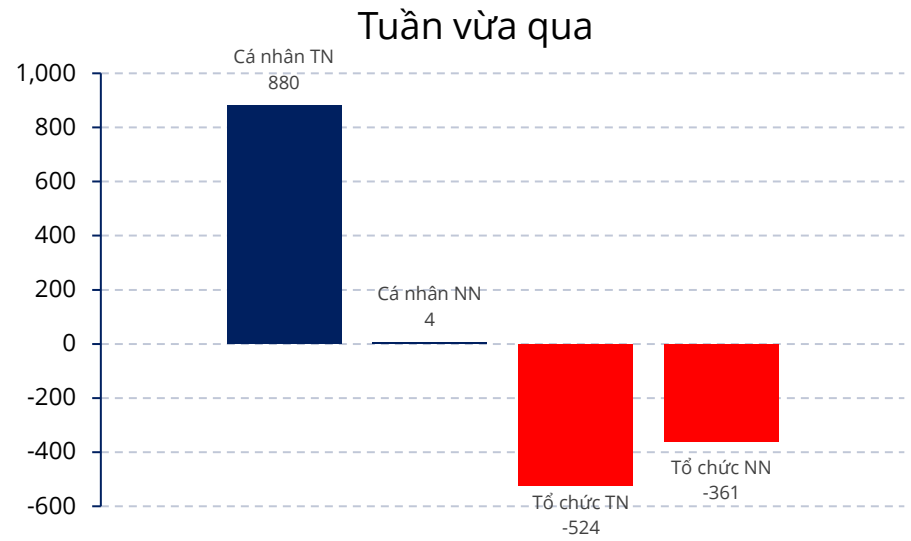
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Về hoạt động giao dịch giữa các nhà đầu tư, kịch bản cũ vẫn được giữ nguyên, nhà đầu tư nhỏ lẻ mua ròng và nhà đầu tư tổ chức, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng. Tuy nhiên, khoảng cách về giá trị giao dịch đang được thu hẹp. Cụ thể, Khối ngoại mua ròng 880 tỷ đồng, trong khi nhà đầu tư tổ chức bán ròng 524 tỷ đồng và khối ngoại bán ròng 357 tỷ đồng.





Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị :tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	VPG	Bán lẻ	15.00 - 76.60	59.6	-18.24%
2	CEE	Xây dựng và Vật liệu	11.50 - 21.80	16.9	-14.21%
3	TGG	Xây dựng và Vật liệu	1.07 - 77.40	20.4	-13.56%
4	VGC	Xây dựng và Vật liệu	25.50 - 62.40	53.5	-13.01%
5	CIG	Xây dựng và Vật liệu	1.74 - 16.30	13.3	-12.50%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
39.57%	16.1	7.86 - 16.05	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	TTE
34.40%	67.0	11.28 - 69.50	Dịch vụ tài chính	TVS
26.70%	14.0	4.00 - 15.20	Bất động sản	HAR
24.64%	8.6	0.84 - 9.66	Tài nguyên Cơ bản	LCM
26.70%	14.0	4.00 - 15.20	Công nghệ Thông tin	SAM

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	IDJ	Bất động sản	10.73 - 77.60	39.7	-22.16%
2	APS	Dịch vụ tài chính	3.82 - 63.00	31.9	-18.21%
3	CMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.70 - 41.20	28.5	-18.10%
4	IDC	Bất động sản	28.60 - 97.00	71.4	-17.74%
5	TC6	Tài nguyên Cơ bản	4.40 - 21.50	10.3	-15.57%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
41.73%	18.0	6.70 - 18.30	Xây dựng và Vật liệu	SDU
31.61%	22.9	7.80 - 22.90	Xây dựng và Vật liệu	VC1
31.34%	28.5	11.20 - 30.30	Truyền thông	HEV
30.91%	36.0	11.30 - 37.00	Công nghệ Thông tin	VLA
28.77%	9.4	3.50 - 10.50	Xây dựng và Vật liệu	LUT

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	DOC	Hóa chất	9.30 - 19.30	10.2	-47.15%
2	CCV	Xây dựng và Vật liệu	18.10 - 36.40	21.3	-41.48%
3	NXT	Xây dựng và Vật liệu	12.80 - 28.20	13.5	-39.19%
4	PMW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	17.00 - 58.30	27.8	-36.82%
5	VHH	Xây dựng và Vật liệu	4.50 - 18.20	7.5	-32.43%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
99.11%	22.3	3.00 - 22.30	Hóa chất	GER
74.76%	36.7	10.00 - 36.70	Hàng cá nhân & Gia dụng	SPB
73.00%	17.3	9.20 - 17.30	Xây dựng và Vật liệu	TS3
65.15%	32.7	19.80 - 36.80	Du lịch và Giải trí	BTV
51.00%	15.1	4.80 - 15.10	Thực phẩm và đồ uống	CPA

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

	Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1	BTP	Nhiệt điện Bà Rịa	Thực phẩm và đồ uống	179	920.7	18.0	13.20 - 18.70	3.5
2	LGC	Đầu tư Cầu đường CII	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	28	600.0	52.4	43.60 - 89.80	11.8
3	CAV	Dây cáp điện Việt Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	94	419.4	59.0	56.40 - 75.80	-1.7
4	SGT	Sài Gòn Telecom	Công nghệ Thông tin	16,506	398.4	35.3	6.20 - 39.20	17.5
5	TIX	TANIMEX	Bất động sản	161	242.8	33.8	27.30 - 39.55	0.3
6	MSN	Tập đoàn Masan	Thực phẩm và đồ uống	1,002,559	219.2	171.0	80.00 - 175.00	8.6
7	REE	Cơ Điện Lạnh REE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	76,652	196.6	71.8	46.00 - 76.90	6.2
8	SVC	SAVICO	Ô tô và phụ tùng	4,331	175.6	131.2	63.50 - 148.80	-1.3
9	EIB	Eximbank	Ngân hàng	41,741	170.0	31.2	16.50 - 33.50	20.0
10	DMC	Dược phẩm DOMESCO	Y tế	759	158.2	52.8	44.80 - 64.80	-3.6

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	96.02	-0.02	-0.49	3.15	6.76	
VND/USD	22,915	-0.10	0.99	0.64	-0.79	
KRW/USD	1,186.50	0.47	0.02	0.83	9.22	
JPY/USD	114.38	0.66	-0.91	3.30	10.78	
EUR/USD	0.88	-0.72	-1.05	3.55	7.93	
SGD/USD	1.36	-0.76	-0.81	0.27	2.66	
CNY/USD	6.37	-0.12	-0.39	-1.52	-2.44	

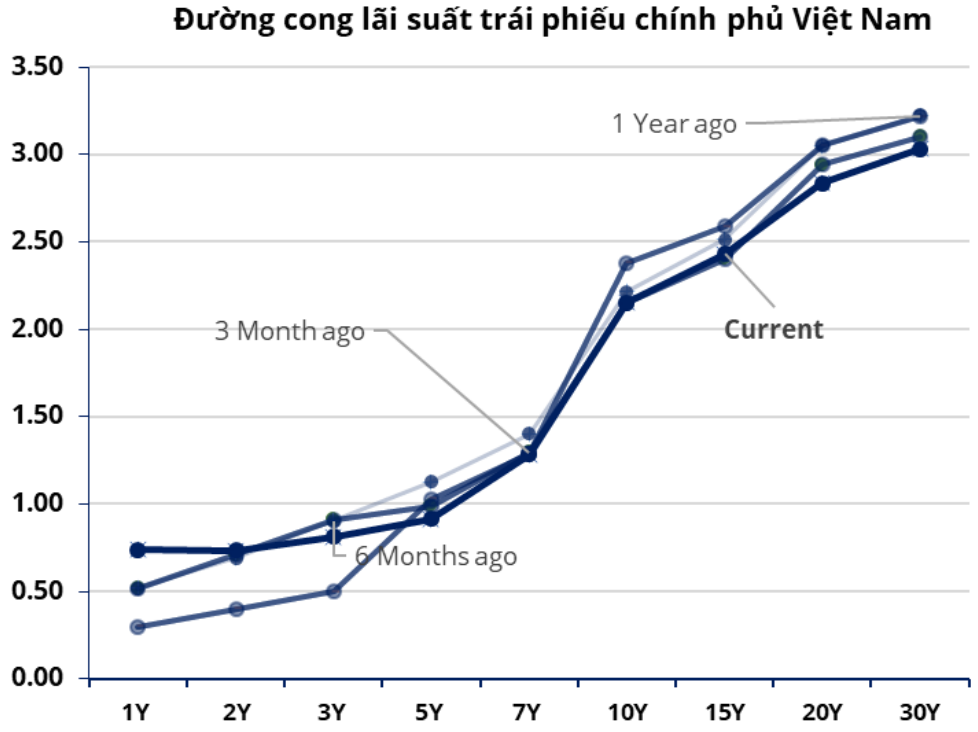
Hàng hóa

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	73.79	1.95	-6.00	0.67	52.08	
Xăng	220.61	1.30	-5.61	1.59	56.64	
Gas	3.73	-0.93	-24.88	-25.02	46.95	
Than	168.90	0.54	6.23	-6.94	109.81	
Vàng	1,810.26	0.68	1.21	3.42	-4.64	
Bạc	22.87	2.23	-2.91	1.99	-13.39	
Platinum	981.10	4.84	0.16	-0.43	-8.49	
Quặng sắt	112.54	1.21	19.74	-6.57	-27.78	
Thép cán	4,835.00	1.51	2.18	-16.34	5.68	
Lúa mì	814.75	5.74	-4.82	13.51	27.21	
Ngô	605.75	2.45	4.35	14.45	25.15	
Gỗ	1,052.40	-5.96	35.03	64.75	20.54	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-XH; Xu hướng
-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	0.74	0.73	0.81	0.92	1.28	2.15	2.43	2.83	3.03
Thay đổi (BPS)	-0.90	5.60	3.80	3.50	4.30	0.80	3.00	3.00	1.00

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải c hịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã đư ợc hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính nà y có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi t rường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán S hinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua h oặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứ ng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể đ ược sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.